

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2434

/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 16 tháng 10 năm 2012

ỦY BAN NHÂN DÂN  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Số: ...  
Ngày: ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng  
Thị trấn Việt Lâm huyện Vị Xuyên, giai đoạn 2010 – 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ - CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3815/QĐ-UBND, ngày 03/12/2010 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Việt Lâm huyện Vị Xuyên, giai đoạn 2010-2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại báo cáo số 73/BC-SXD ngày 18/9/2012 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Việt Lâm huyện Vị Xuyên giai đoạn 2010 – 2030,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng với các nội dung sau:

**1. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:**

- Thị trấn Việt Lâm và các xã, thị trấn giáp ranh (Đặc biệt là khu vực lân cận thuộc xã Việt Lâm).

**2. Phạm vi nghiên cứu:**

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 2.800 ha.

- Phạm vi quy hoạch: 600ha.

**3. Tính chất đô thị:** Đô thị phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, tiểu thủ công nghiệp, có không gian cảnh quan sinh thái, cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài với vai trò là một trung tâm vùng huyện Vị Xuyên.

**4. Quy mô dân số:**

- Dân số hiện trạng là 4.546 người. Dự báo đến năm 2020: khoảng 10.000 người; Đến năm 2030: khoảng 15.000 người.

**5. Quy mô đất xây dựng đô thị:**

**Quy hoạch sử dụng đất thị trấn Việt Lâm đến năm 2020**

TT	Hạng mục	Hiện trạng			Quy hoạch đến 2020		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	m2/ người	diện tích (ha)	tỷ lệ %	m2/ người
I	Đất xây dựng các khu chức năng	58,12	3,23	66,65	232,67	12,91	160,46
1	Đất công trình công cộng	0,9	0,05	1,03	29,96	1,66	20,66
2	Đất công trình giáo dục	3,02	0,17	3,46	22,01	1,22	15,18
3	Đất công trình y tế	0,8	0,04	0,92	1,53	0,08	1,06
4	Đất cơ quan hành chính	0,02	0,00		10,98	0,61	
5	Đất ở hiện trạng mật độ cao	52,49	2,91	65,61	136,75	7,59	94,31
6	Đất cây xanh công viên TDTT		-	-	31,44	1,74	21,68
7	Đất công nghiệp, TTCN	0,89					
II	Đất làng xóm du lịch sinh thái	45,6	2,53		219,95	12,21	
1	Đất ở làng xóm mật độ thấp	45,6	2,53	633,33	31,12	1,73	633,33
2	Đất du lịch sinh thái				188,83	10,48	
III	Đất sinh thái nông lâm nghiệp	1.679,84	93,23		1.287,19	71,44	
1	Đất cây xanh cảnh quan, cách li				75,2	4,17	
2	Đất canh tác nông nghiệp hỗn hợp	86,51					
3	Đất vườn đồi trồng cây lâu năm	888,44	49,31		617,90	34,69	
4	Đất rừng trồng	665,08	36,91		554,28	30,76	
5	Mặt nước, sông suối (chưa kể mặt nước trong các khu DLST)	39,81	2,21		39,81	2,21	
IV	Đất nghĩa trang				2,44	0,14	
V	Đất giao thông đô thị	8,07	0,45		44,1	2,45	

VI	Đất giao thông đối ngoại	6,03	0,33		15,40	0,85	
VII	Đất trống chưa sử dụng	4,09					
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	<b>1.801,75</b>	<b>100,00</b>		<b>1.801,75</b>	<b>100,00</b>	

**Quy hoạch sử dụng đất thị trấn Việt Lâm đến năm 2030**

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến 2020			Quy hoạch đến 2030		
		diện tích (ha)	tỷ lệ %	m2/ người	diện tích (Ha)	tỷ lệ %	m2/ người
I	Đất xây dựng các khu chức năng	232,67	12,91	160,46	332,93	17,71	221,33
1	Đất công trình công cộng	29,96	1,66	20,66	29,96	1,66	20,66
2	Đất công trình giáo dục	22,01	1,22	15,18	27,80	1,54	19,17
3	Đất công trình y tế	1,53	0,08	1,06	1,53	0,08	1,06
4	Đất cơ quan hành chính	10,98	0,61		10,98	0,61	
5	Đất ở hiện trạng mật độ cao	136,75	7,59	94,31	195,35	10,84	14,72
6	Đất cây xanh công viên TDTT	31,44	1,74	21,68	31,44	1,74	21,68
7	Đất công nghiệp, TTCN				23,87	1,32	
II	Đất làng xóm du lịch sinh thái	219,95	12,21		347,18	19,27	
1	Đất ở làng xóm mật độ thấp	31,12	1,73	633,33	31,12	1,73	622,40
2	Đất du lịch sinh thái	188,83	10,48		316,06	17,54	
III	Đất sinh thái nông lâm nghiệp	1.287,19	71,44		1.016,29	56,41	
1	Đất cây xanh cảnh quan, cách li	75,2	4,17		101,79	5,65	
2	Đất canh tác nông nghiệp hỗn hợp						
3	Đất vườn đôi trồng cây lâu năm	617,90	34,69		459,55	25,51	
4	Đất rừng trồng	554,28	30,76		415,14	23,04	
5	Mặt nước, sông suối (chưa kể mặt nước trong các khu DLST)	39,81	2,21		39,81	2,21	
IV	Đất nghĩa trang	2,44	0,14		2,44	0,14	
V	Đất giao thông đô thị	44,1	2,45		99,51	5,52	
VI	Đất giao thông đối ngoại	15,40	0,85		15,40	0,85	
VII	Đất trống chưa sử dụng						
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	<b>1.801,75</b>	<b>100,00</b>		<b>1.801,75</b>	<b>100,00</b>	

**6. Định hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng:**

### **a. Hướng phát triển đô thị:**

- Theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020 thì huyện Vị Xuyên nằm trong vùng kinh tế I và thuộc các vùng kinh tế động lực thứ cấp (*nằm dọc quốc lộ 2 qua thành phố Hà Giang và các huyện Quang Bình, Bắc Quang, Vị Xuyên, Bắc Mê; là vùng phát triển đô thị, công nghiệp chế biến, cơ khí, vật liệu xây dựng, dịch vụ, nông nghiệp*) và thị trấn Việt Lâm nằm trong hệ thống các đô thị chuyên ngành.

- Tôn trọng lịch sử phát triển đô thị với các khu vực đã xây dựng, các dự án đã được hoạch định, đảm bảo hài hòa, thống nhất giữa khu vực đã phát triển và khu vực xây dựng mới.

- Xây dựng thị trấn Việt Lâm huyện Vị Xuyên cho phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay và đến năm 2030. Thị trấn Việt Lâm được xác định là đô thị loại V, từng bước nâng cao theo tiêu chí của đô thị loại IV.

### **b. Quy hoạch các khu chức năng:**

- Công nghiệp, kho tàng: Định hướng xây dựng trong giai đoạn dài hạn cụm công nghiệp, hỗ trợ hoạt động, các ngành nghề cho khu công nghiệp Bình Vàng.

- Hệ thống các trung tâm:

+ Trung tâm hành chính: Khu trung tâm hành chính đô thị được kiến tạo toàn trên cơ sở khu trung tâm hành chính thị trấn Việt Lâm hiện hữu; Khu trung tâm hành chính huyện vệ tinh: Bố trí các lô đất dự trữ, đảm bảo khả năng hình thành khu trung tâm hành chính huyện khang trang, hiện đại trong tương lai. Ngoài chức năng về hành chính, kết hợp thêm một số chức năng tạo thành trung tâm đa năng như trung tâm công cộng, văn hóa, TDTT khu vực.

+ Khu cơ quan, văn phòng ngoài đô thị: Xây dựng tổ hợp trung tâm công cộng gắn với trục trung tâm khu vực phía Tây, đảm nhiệm vai trò là trung tâm giao lưu cho tiểu vùng phía Đông huyện Vị Xuyên.

+ Trung tâm giáo dục đào tạo phục vụ đô thị: Xây dựng các khu trung tâm giáo dục đào tạo tại các khu vực phát triển của đô thị, có tính đến quỹ đất xây cơ sở giáo dục đào tạo cho vùng huyện Vị Xuyên trong tương lai.

+ Trung tâm y tế.

+ Trung tâm văn hóa, vui chơi giải trí, TDTT.

- Các khu ở :

+ Khu ở trung tâm: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp khu ở trung tâm đô thị hiện hữu.

+ Khu ở phía Tây: Khu vực phát triển mới thuộc xã Việt Lâm, là khu ở xây dựng trong giai đoạn dài hạn

+ Khu ở phía Bắc : Hiện đã phát triển hai bên Quốc lộ 2 cũ, tiếp tục phát triển về phía sông Lô, kết hợp giữa nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới tạo thành khu ở hoàn chỉnh, ưu tiên xây dựng trong giai đoạn đầu

+ Khu ở phía Đông : Xây dựng khu ở sinh thái cao cấp bờ Đông sông Lô.

- Các khu công viên, cây xanh, khu cảnh quan sinh thái kết hợp du lịch

## **7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:**

### **a. Lựa chọn đất phát triển đô thị, xác định cốt xây dựng:**

- Khu vực kiểm soát, hạn chế tăng mật độ xây dựng:

+ Khu trung tâm đô thị hiện hữu: Kiểm soát, hạn chế tăng mật độ xây dựng trong khu vực (*trừ các khu vực đã được hoạch định theo đồ án Quy hoạch chung thị trấn Việt Lâm, giai đoạn 2001 - 2010 đã được phê duyệt nhưng chưa tiến hành xây dựng*). Các khoảng trống không gian tại các khu ở được thiết lập để tạo thành mạng lưới công viên cây xanh, vườn hoa, TDTT, văn hóa cho từng tổ lô phố (tương đương đơn vị ở).

+ Các khu vực hiện trạng dọc theo Quốc lộ 2 hiện hữu: Kiểm soát, không xây dựng xen cây, xây chen. Tăng cường tối đa các khoảng mở không gian, tạo mỹ quan đô thị.

- Khu vực kiểm soát mật độ xây dựng: Các lô đất dự kiến xây dựng cơ quan hành chính, đảm bảo sự phát triển lâu dài, cần kiểm soát chặt chẽ trong suốt quá trình phát triển;

- Các khu vực xây dựng với mật độ cao (45 - 55%): Các khu ở xây dựng mới trong khu trung tâm mở rộng phía Tây sông Lô;

- Các khu vực xây dựng với mật độ trung bình (35 - 45%): Các khu vực xây dựng công trình công cộng, dịch vụ thương mại...; Khu ở phía Tây (thuộc xã Việt Lâm hiện tại); Khu ở phía Bắc

- Các khu vực xây dựng với mật độ thấp (10 - 35%): Khu vực phát triển mới phía Đông sông Lô;

- Các khu vực xây dựng với mật độ rất thấp (05 - 10%): Các khu vực công viên cây xanh kết hợp du lịch, dịch vụ thương mại. Đặc biệt, hành lang sinh thái ven sông Lô, kiến nghị xây dựng với mật độ từ 02 - 04%;

- Xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị: Căn cứ vào địa hình tự nhiên của từng khu vực, chọn cốt nền phù hợp với địa hình tự nhiên và các giải pháp thiết kế đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

### **b. Mạng lưới giao thông; chỉ giới đường đỏ hệ thống trục chính.**

- Giao thông đối ngoại

+ Quốc lộ 2 cũ: 20,5m (chính trang, nâng cấp).

+ Trục chính ven sông: 35m. Chiều dài: 6,8km; Điểm đầu: Km16+360; Điểm cuối: Km22+590

+ Quốc lộ 2: 28m (tuyến tránh qua đô thị). Chiều dài : 6,7km; Điểm đầu : Km16+195; Điểm cuối: Km23+430

- Giao thông đối nội:

+ Đường khu vực: 20,5m.

+ Đường nội bộ: 17,5m - 13,5m.

- Các công trình giao thông:

+ Bãi đỗ xe: Bố trí 3 bãi đỗ xe tập trung được bố trí với quy mô tổng diện tích từ 1,5-3% tổng diện tích đô thị nghiên cứu, đặt tại trung tâm các khu chức năng; Đối với những công trình công cộng, khu vui chơi giải trí phải bố trí riêng bãi đỗ xe trong khu vực công trình đáp ứng nhu cầu bản thân.

+ Cầu, cống: Xây dựng mới 5 cây cầu chịu lực BTCT qua suối Mực suối Vạt và sông Lô, bề rộng cầu tùy theo quy mô tuyến đường kết nối và chiều rộng đường đi bộ trên cầu từ 1,5-2m.

+ Các nút, quảng trường giao thông quan trọng: Thiết kế các nút giao thông lớn làm điểm nhấn cho đô thị trên tuyến đường chính đô thị với diện tích khoảng 0,3 ha mỗi nút, có vai trò như những quảng trường giao thông lớn, có không gian đẹp.

- Chỉ giới hệ thống đường đô thị chính: Công trình được xây dựng phải tuân thủ các quy định về chỉ giới xây dựng đã được quy định cụ thể trên từng tuyến đường, trong đó:

+ Tại trục đường mặt cắt 1-1, lòng đường rộng 7,5mx2, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 7 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 2-2, lòng đường rộng 15m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 5 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 3-3; 3'-3' lòng đường rộng 15m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 3 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 4-4, lòng đường rộng 10,5m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 5 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 5-5; 6-6 lòng đường rộng 7,5 m, khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 5 mét.

+ Tại trục đường mặt cắt 7-7, lòng đường rộng 7,5 m khoảng cách từ vỉa hè đến chỉ giới đường đỏ là 3 mét.

\* Đối với tổ hợp công trình bao gồm phần đế công trình và tháp cao phía trên thì các quy định về khoảng lùi công trình được áp dụng riêng đối với phần đế công trình và đối với phần tháp cao phía trên theo tầng cao xây dựng tương ứng của mỗi phần tính từ mặt đất (cột vỉa hè). Khoảng lùi của các công trình so với lộ giới đường quy hoạch được quy định tùy thuộc vào tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc, chiều cao công trình và chiều rộng của lộ giới, ngoài các

quy định trên, khoảng lùi tối thiểu phải thỏa mãn theo quy định Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

**c. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.**

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : Đến năm 2020: 80l/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 80%; Đến năm 2030: 100l/ng.ngđ, tỷ lệ cấp nước 90%. Ngoài ra, đảm bảo:

+ Nước công nghiệp : 25m<sup>3</sup>/ha.ngđ.

+ Nước công cộng: 12% Qs.hoạt.

+ Nước tưới cây rửa đường: 8% Q s.hoạt.

+ Nước dự phòng rò rỉ: 20-25%.

- Tổng nhu cầu cấp nước là 6.800m<sup>3</sup>/ ngđ.

- Quy hoạch cấp điện: Quy hoạch hoàn chỉnh hệ thống cấp điện đáp ứng nhu cầu phụ tải theo quy hoạch theo các giai đoạn phát triển. - Chỉ tiêu cấp điện cho các khu đô thị và dân cư căn cứ quy chuẩn xây dựng Việt nam. Cụ thể:

+ Cấp điện sinh hoạt: Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt tuân thủ theo bảng 7.1 QCXD VN cho đô thị loại 5. Đến năm 2020: 400kwh/ng.năm (tương đương 200w/ng); Đến năm 2030: 1000kwh/ng.năm (tương đương 330w/ng).

+ Cấp điện công cộng, dịch vụ: Điện công trình công cộng (tính trực tiếp theo diện tích đất dự báo) 75kW/ha.

+ Cấp điện công nghiệp: Bình quân 200KW/ha.

- Quy hoạch thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

+ Chỉ tiêu nước thải: Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt lấy theo tiêu chuẩn cấp nước. Tỷ lệ thu gom đến năm 2020: bằng 80% lưu lượng nước cấp; Tỷ lệ thu gom đến năm 2030: bằng 90% lưu lượng nước cấp.

+ Chỉ tiêu chất thải rắn (CTR):

CTR sinh hoạt: 1,1 kg/ng.ngđ

CTR công cộng, dịch vụ: 15% CTR sinh hoạt.

+ Chỉ tiêu đất nghĩa trang: tối thiểu là 0,6 ha/1 vạn dân.

+ Đảm bảo yêu cầu:

Về xử lý nước thải: 3.134 m<sup>3</sup>/ng.đ

Về chất thải rắn: 37 tấn /ng.đ

Về nghĩa trang: tối thiểu 2,0 ha.

- Giải pháp san nền:

+ Cốt xây dựng: cao độ khống chế cho toàn bộ khu vực là cốt 82,0 đảm bảo phù hợp nền thiên nhiên, chỉ tiến hành san nền cục bộ, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung trong khu vực.

+ Các khu vực xây dựng có mặt bằng lớn gắn với không gian kiến trúc tạo mặt đứng nền giạt cấp cho phù hợp với đô thị miền núi.

- Giải pháp thoát nước mưa:

+ Hướng thoát chính: thoát ra sông Lô, suối Vạt và một số suối tự nhiên.

+ Hướng cục bộ: tùy theo từng lưu vực, địa hình, cho nước thoát nhanh nhất để tránh ngập úng cục bộ, cụ thể chia ra các lưu vực thoát như sau:

Lưu vực phía Tây thị trấn (thôn Trang, thôn Lùng Sinh, thôn Dưới, xã Việt Lâm) gần suối Vạt thoát ra suối Vạt.

Lưu vực tổ 9 + một phần tổ 8 thoát ra suối Mực đầu tiên sau đó ra sông Lô.

Lưu vực tổ một phần tổ 8 + một phần tổ 7 thoát ra sông Lô.

Lưu vực tổ 12 thoát ra sông Lô.

Lưu vực tổ 1+2 thoát ra sông Lô.

Lưu vực một phần tổ 4+5+6 thoát ra suối Mực đầu tiên sau đó ra sông Lô.

+ Các tuyến mương đã có cần thường xuyên nạo vét, tu sửa để tăng khả năng thoát nước.

+ Các khu vực mới và mở rộng: Cần xây dựng đồng bộ các hệ thống kỹ thuật để tránh đào bới làm lãng phí và để phát huy hiệu quả vốn xây dựng.

+ Các khu vực mới và mở rộng: Cần xây dựng đồng bộ các hệ thống kỹ thuật để tránh đào bới làm lãng phí và để phát huy hiệu quả vốn xây dựng.

### **8. Đánh giá môi trường chiến lược:**

Hiện trạng môi trường:

- Hiện trạng: Vệ sinh môi trường: Vấn đề xử lý vệ sinh môi trường hiện nay hầu như chưa được chú trọng, phần lớn chưa đảm bảo quy cách về vệ sinh môi trường. Việc thu gom xử lý chất thải rắn chưa được phân loại và xử lý triệt để, gây ảnh hưởng sâu đến vệ sinh môi trường, mất mỹ quan đô thị.

- Dự báo các tác động ảnh hưởng đến môi trường đô thị và kinh tế xã hội:

+ Tác động tích cực: Cải tạo xây dựng mới các khu cây xanh mặt nước như công viên, khu rừng núi nhằm tạo cảnh quan đồng thời là tác nhân giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chống thiên tai, xây dựng khu đô thị nhằm xây mới, cải tạo chỉnh trang nâng cao môi trường sống cho người dân trong đô thị.

+ Tác động tiêu cực: Xây dựng, hoạt động các khu công nghiệp làm tăng ô nhiễm môi trường biến đổi sinh thái các khu vực xung quanh. Xây dựng các khu dân cư, dịch vụ thương mại tăng thêm lượng chất thải ô nhiễm môi trường. Khi đô thị vào hoạt động các dịch vụ phát triển dân số tăng cả tự nhiên và cơ học khó kiểm soát gây phức tạp xã hội.

- Các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng:

+ Thực hiện tốt các quy định pháp quy về bảo vệ môi trường;



+ Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

### **9. Thành phần hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ đã được được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

### **10. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực:**

- Các dự án ưu tiên đầu tư:

+ Các đơn vị ở: Hoàn thiện khu trung tâm đô thị, làm hạt nhân để phát triển lan tỏa sang các khu vực khác; Xây dựng cải tạo, mở rộng khu ở phía Bắc, tận dụng hiệu quả sử dụng các tuyến đường được xác định là dự án ưu tiên xây dựng.

+ Xây dựng trung tâm thương mại cửa ngõ phía Bắc, kết hợp với khu du lịch sinh thái ven sông Lô tạo thành quần thể cửa ngõ đô thị, hỗ trợ hoạt động liên đô thị và khu vực phía Đông sông Lô.

+ Xây dựng công viên trung tâm văn hóa, thể dục thể thao.

+ Trung tâm hành chính: Hoàn thiện trên cơ sở nâng cấp cải tạo khu trung tâm hành chính đô thị hiện hữu, về cơ bản chỉ nâng cấp, xây mới các công trình. Hình thành khung hạ tầng khu trung tâm hành chính, đảm bảo khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài, linh hoạt chuyển đổi chức năng quá trình phát triển.

- Nguồn lực: Tổng kinh phí xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ước tính khoảng 488,5 tỷ đồng (giai đoạn đầu), bao gồm:

+ San nền, thoát nước mưa: 32 tỷ đồng.

+ Giao thông: 288 tỷ đồng.

+ Cấp nước: 29 tỷ đồng.

+ Cấp điện: 39,5 tỷ đồng.

+ Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: 100 tỷ đồng.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên phối hợp cùng Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Việt Lâm huyện Vị Xuyên, giai đoạn 2010 – 2030 để các tổ chức và cá nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở để quản lý quy hoạch và thu hút các nguồn vốn đầu tư.

- Lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo nội dung Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; tập trung huy động vốn đầu tư để thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan và nghiệm thu, thanh quyết toán, kinh phí điều tra, khảo sát và lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- T.Tr Tỉnh uỷ (thay B/c);
- T.Tr HĐND tỉnh (thay B/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (thay B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- CV: XD, CN, TN&MT, KT.
- Lưu: VT.

*[Handwritten mark]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Văn Sơn